TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-PT
Ngày 11-01-2024
V/v tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 323/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 350/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Công T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn L, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2. Bà Đặng Thị Bích N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Ông Trần Đình P, sinh năm 1976 (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Cao Thanh T1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Số C, đường N, khóm B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đình P và bà Nguyễn Cao Thanh T1: Bà Đặng Ngọc M, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khóm C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2023) (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang; trụ sở: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Đỗ Chí Q, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (theo văn bản ủy quyền số 629/GUQ-UBND ngày 23/6/2021) (vắng mặt).

2. Văn phòng Công chứng K; trụ sở: Số A, đường T, khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Công chứng K: Ông Lại Văn G, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số D, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2021) (vắng mặt).

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang; trụ sở: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Đình P và bà Nguyễn Cao Thanh T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Công T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2012/DS-ST ngày 03/7/2012 của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện T, tỉnh An Giang quyết định ông Võ Văn L và bà Đặng Thị Bích N (sau đây gọi tắt là ông L, bà N) có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 285.956.000đ. Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2012/DS-ST ngày 03/7/2012 của TAND huyện Thoại Sơn có hiệu lực pháp luật nhưng ông L và bà N không thi hành án trả tiền cho ông T.

Ngày 03/8/2012, ông L và bà N chuyển nhượng diện tích 12.228m^2 đất trồng lúa cho ông Trần Đình P và bà Nguyễn Cao Thanh T1 (sau đây gọi tắt là ông P, bà T1).

Ngày 16/01/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (sau đây gọi tắt là Thi hành án huyện T) ban hành quyết định kê biên đất của ông L và bà N để thi hành án cho ông T.

Trong quá trình thi hành án, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp quyền sử dụng đất cho ông P và bà Trúc tích 12.228m^2 đất trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) số CH00058 ngày 09/8/2012.

Ông L và bà N chuyển nhượng đất cho ông P và bà T1 là sau khi có Bản án dân sự số: 21/2012/DS-ST ngày 03/7/2012 của TAND huyện Thoại Sơn; do đó, ông L và bà N chuyển nhượng đất nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/8/2012 giữa ông L, bà N với ông P, bà T1; yêu cầu hủy GCN QSD đất số CH00058 ngày 09/8/2012 do UBND huyện T cấp cho ông P và bà T1 diện tích 12.228m^2 đất tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông P và bà T1 trình bày: Năm 2012, ông P và bà T1 nhận chuyển nhượng diện tích 12.228m^2 đất của ông L và bà N, hợp đồng có công chứng; ông P và bà T1 đã giao trả đủ tiền và nhận đất sử dụng; ngày 09/8/2012, ông P và bà T1 được cấp GCN QSD đất. Nay ông P và bà T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bị đơn ông L và bà N: Không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Người đại diện Văn phòng Công chứng K trình bày:

Ngày 03/8/2012, Văn phòng Công chứng K nhận công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà N với ông P, bà T1 đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật Công chứng thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/8/2012 giữa ông L, bà N với ông P, bà T1 đã phát sinh hiệu lực, không có căn cứ hủy hợp đồng; ông T không phải là chủ thể tham gia hợp đồng nên ông T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/8/2012 giữa ông L, bà N với ông P, bà T1 là không đúng quy định pháp luật về công chứng.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã hết thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. Văn phòng Công chứng K yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người đại diện UBND huyện T trình bày:

UBND huyện T cấp GCN QSD đất số CH00058 ngày 09/8/2012 cho ông P và bà T1 diện tích 12.228m^2 đất tại xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng ngày 03/8/2012 và đúng quy định pháp luật.

UBND huyện T yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về yêu cầu hủy GCN QSD đất số CH00058 ngày 09/8/2012 do UBND huyện T cấp cho ông P và bà T1 diện tích 12.228m^2 đất tại xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang

- *Người đại diện Thi hành án huyện T trình bày:*

Ngày 16/01/2013, Thi hành án huyện T ban hành Quyết định kê biên tài sản của ông L và bà N là diện tích 7.000m^2 đất trong diện tích 12.228m^2 đất thuộc GCN QSD đất do ông L và bà N đứng tên để thi hành án về việc ông L và bà N phải trả cho ông T số tiền 285.956.000đ và nộp án phí dân sự sơ thẩm 14.297.800đ theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2021/DS-ST ngày 03/7/2012 của TAND huyện Thoại Sơn. Việc kê biên tài sản của ông L và bà N được sự chỉ đạo thống nhất của Ban chỉ đạo thi hành án huyện T.

Thi hành án huyện T tiến hành thủ tục thẩm định giá đất, kết quả thẩm định diện tích 7.000m^2 đất là 455.000.000đ; Thi hành án huyện T tiến hành thủ tục bán đấu giá hai lần không thành (do không có người tham gia đấu giá). Nay Thi hành án huyện T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án và các bên có liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T; tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/8/2012 giữa ông L, bà N với ông P, bà T1; các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại GCN QSD đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 1789, tờ bản đồ số 04, theo đo đạc diện tích thực tế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/10/2023, ông P và bà T1 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/8/2012 giữa ông L, bà N với ông P, bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Ông T trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Người đại diện của ông P, bà T1 trình bày:* Ông P, bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, bà T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Ông P và bà T1 nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông L, bà N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 12.228m^2 đất giữa ông L, bà N với ông P, bà T1 lập ngày 03/8/2012 được xác lập trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng; hợp đồng có công chứng là đúng quy định về mặt hình thức của hợp đồng; các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của hợp đồng; bên nhận chuyển nhượng (là ông P và bà T1) đã được cấp GCN QSD đất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà N với ông P, bà T1 là sau ngày Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2012/DS-ST ngày 03/7/2012 của TAND huyện Thoại Sơn có hiệu lực pháp luật; ông L và bà N là người có nghĩa vụ phải thi hành án trả nợ cho ông T nhưng ông L và bà N không sử dụng khoản tiền chuyển nhượng đất để thi hành án cho ông T; do đó, cơ quan thi hành án tiến hành kê biên một phần đất trong diện tích 12.228m^2 đất của ông L và bà N theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch số: 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự (Khoản 1 Điều 6 quy định:*"Kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người phải thi hành án bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu có tranh chấp thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thực hiện việc khởi kiện tại Toà*

án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo mà không có người khởi kiện thì cơ quan thi hành án xử lý tài sản để thi hành án").

Trong quá trình ông T tranh chấp tại Tòa án, tuy ông L và bà N không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông P và bà T1 nhưng việc ông L và bà N chuyển nhượng đất cho ông P và bà T1 là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba là ông T.

Do đó, cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 12.228m^2 đất giữa ông L, bà N với ông P, bà T1 là nhằm mục đích ông L, bà N tẩu tán tài sản, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 124 và Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết về hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu theo hướng dẫn tại Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của TAND tối cao. Tuy nhiên, các đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Do đó, cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là đúng. Đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác về hậu quả của hợp đồng vô hiệu (nếu có tranh chấp).

Ông P và bà T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P và bà T1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông P và bà T1 trình bày: *"Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T là ông Đỗ Chí Q là chồng của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm, thuộc trường hợp Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi, nhưng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng nên ông P và bà T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm".*

Xét thấy: Người đại diện của ông P và bà T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông Đỗ Chí Q (người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T) và Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm có mối quan hệ về hôn nhân và gia đình; hơn nữa, đương sự trong vụ án là UBND huyện T; ông Đỗ Chí Q là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T tham gia tố tụng thay UBND huyện T (tại thời điểm ủy quyền, ông Đỗ Chí Q là Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T); ông Đỗ Chí Q không phải là đương sự trong vụ án. Như vậy, không thuộc trường hợp Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm phải từ chối hoặc bị thay đổi tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của người đại diện của ông P và bà T1 về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P và bà T1. Do đó, ông P và bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đình P và bà Nguyễn Cao Thanh T1.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công T.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/8/2012 giữa ông Võ Văn L, bà Đặng Thị Bích N với ông Trần Đình P, bà Nguyễn Cao Thanh T1 vô hiệu.

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 1789, tờ bản đồ số 04, loại đất lúa, diện tích theo đo đạc thực tế, đất tọa lạc ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Văn L, bà Đặng Thị Bích N, ông Trần Đình P và bà Nguyễn Cao Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

+ Ông Võ Công T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Công T được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0001037 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Về chi phí tố tụng: Ông Võ Văn L, bà Đặng Thị Bích N, ông Trần Đình P và bà Nguyễn Cao Thanh T1 phải hoàn trả cho ông Võ Công T chi phí tố tụng là 15.100.000đ (mười lăm triệu một trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Đình P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0012152 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Cao Thanh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0012151 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ